TAND HUYỆN T **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13-9-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lò Văn Yêu; Ông Triệu Phúc Vượng.

- Thư ký phiên toà: Ông Giang Tiến Hiệp -Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 08 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1993; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Bản T1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" cùng các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị X trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đỗ Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu ngày 24/6/2016. Việc kết hôn giữa chị và anh Đ hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Năm 2020 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ nghiện ma túy và vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Nều lần chị và anh Đ được gia đình hai bên khuyên can nhưng hai vợ chồng vẫn không thể hòa hợp. Đến tháng 5 năm 2022, mặc dù chị và anh Đ chung sống

cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Chị xét thấy không còn tình cảm và không còn yêu thương anh Đ, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

2. Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là Đỗ Uyển N, sinh ngày 06/01/2017 và Đỗ Đ Tài, sinh ngày 15/9/2018. Hiện nay các con đang ở cùng cả anh chị và có sự hỗ trợ chăm sóc của ông bà nội là bố mẹ anh Đ. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung cho đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ phải có trách Nệm cấp dưỡng nuôi hai con chung. Vì anh Đ nghiện ma túy và không có việc làm, thu nhập không ổn định nên chị không yên tâm. Chị cam đoan sẽ thu xếp công việc để có điều kiện trực tiếp chăm sóc các con.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung, nợ chung, cho vay chung chị X không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, anh Đỗ Văn Đ mặc dù biết chị X có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn và được chị X giao các tài liệu chứng cứ đã giao nộp cho Tòa theo hướng dẫn của Tòa án. Anh Đ đã được Tòa án triệu tập, thông báo hợp lệ đến Tòa để làm việc nhưng cố tình vắng mặt mà không có lý do. Tòa án đã tiến hành các thủ tục lấy lời khai của anh Đ ngoài trụ sở Tòa án. Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/8/2023 anh Đ trình bày: Anh không nhất trí ly hôn với chị X vì vẫn còn tình cảm, anh thừa nhận bản thân có bị bạn bè lôi kéo nên có sử dụng chất ma túy; về con chung anh cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu chị X phải có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con nếu phải ly hôn; về chia tài sản: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án; thụ lý đơn yêu cầu ly hôn; việc xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự trong vụ án; việc ra và gửi thông báo thụ lý cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử cùng hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là vi phạm về nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 57, 58 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị X và xem xét quyết định:

Về quan hệ hôn nhân chị X được ly hôn với anh Đ; về con chung: Giao 02 con chung là Đỗ Uyển N, sinh ngày 06/01/2017 và Đỗ Đ Tài, sinh ngày 15/9/2018 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Do chị X không yêu cầu anh Đ phải có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét; Về chia tài sản chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét; về án phí: Nguyên đơn chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Đỗ Văn Đ có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản T1, xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu. Anh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng cố tình vắng mặt không có lý do. Chị X có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án đã không tiến hành hòa và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Ngày 28/8/2023, Tòa án đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn Đưc đăng ký kết hôn ngày 24/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Lai Châu. Việc kết hôn giữa chị X và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị X và anh Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống chị X và anh Đ hạnh phúc được 06 năm, sau đó phát sinh mâu thuẫn do anh Đ nghiện ma túy, không chịu tu chí làm ăn, không quan tâm đến vợ, con nên tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù chị X và anh Đ chung sống cùng nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Chị X xin ly hôn nhưng anh Đ không nhất trí và cố tình không

đến Tòa án để làm các thủ tục ly hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy: Khoảng thời gian mâu thuẫn giữa chị X và anh Đ kéo dài, giữa chị X và anh Đ không còn dành sự quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nữa. Đặc biệt chị X không còn tình cảm yêu thương, không còn hạnh phúc khi chung sống với anh Đ. Nhận thấy hôn nhân giữa chị X và anh Đ đã thực sự lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của chị X đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ là hoàn toàn có căn cứ theo theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Hiện nay các con chung đang ở cùng chị X và anh Đ. Chị X và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Các con hiện còn nhỏ, đều dưới 07 tuổi, xét thấy chị X là giáo viên, có nguồn thu nhập ổn định; anh Đ không có công việc và thu nhập không ổn định và là đối tượng nghiện chất ma túy nên Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao hai con chung Đỗ Uyển N, sinh ngày 06/01/2017 và Đỗ Đ Tài, sinh ngày 15/9/2018 cho chị Nguyễn Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị X không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chia tài sản chung: Chị X và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm giải quyết vụ án của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị X được ly hôn với anh Đỗ Văn Đ

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Uyển N, sinh ngày 06/01/2017 và Đỗ Đ Tài, sinh ngày 15/9/2018 cho chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Đỗ Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị X không yêu cầu anh Đỗ Văn Đ phải có trách Nệm cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị X đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0001494 ngày 23/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Lai Châu nay chuyển thành án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết lên Tòa án nhân dân cấp trên.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- UBND xã P, huyện T;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Tuyết Thanh